

104/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUÔNG ĐỒNG NAI – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 161/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4ĐN001, VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 21 tháng 07 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	9 ₅	10°45'04.89"N	106°46'53.93"E
		9 ₆	10°44'58.74"N	106°46'44.18"E
		9 ₈	10°45'07.95"N	106°46'41.42"E
		9 ₉	10°45'04.27"N	106°46'41.33"E
Xoá	Độ sâu	9 ₇	10°45'04.71"N	106°46'54.18"E
		9 ₆	10°45'08.08"N	106°46'41.30"E
		11 ₄	10°45'04.66"N	106°46'43.59"E
		9 ₈	10°44'57.89"N	106°46'44.89"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 21 tháng 07 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	9 ₅	10°45'04.89"N	106°46'53.93"E
Xoá	Độ sâu	9 ₇	10°45'04.71"N	106°46'54.18"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

104/2022 - VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – DONG NAI CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.161/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4ĐN001, VN4SG003 (Edition No. 2, updated on July 21st, 2022)

Insert	Depth	9 ₅	10°45'04.89"N	106°46'53.93"E
		9 ₆	10°44'58.74"N	106°46'44.18"E
		9 ₈	10°45'07.95"N	106°46'41.42"E
		9 ₉	10°45'04.27"N	106°46'41.33"E
Delete	Depth	9 ₇	10°45'04.71"N	106°46'54.18"E
		9 ₆	10°45'08.08"N	106°46'41.30"E
		11 ₄	10°45'04.66"N	106°46'43.59"E
		9 ₈	10°44'57.89"N	106°46'44.89"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on July 21st, 2022)

Insert	Depth	9 ₅	10°45'04.89"N	106°46'53.93"E
Delete	Depth	9 ₇	10°45'04.71"N	106°46'54.18"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
